

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KỲ THI NGÀY 27/8/2023

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hổng	
1	T2001	Trương Thị Ai	04/03/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,8	6,0		Hổng	
2	T2002	Trần Thị Ngọc Ánh	21/02/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,8	5,0	Đạt		
3	T2003	Nguyễn Duy Ân	10/07/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,4	6,0	Đạt		
4	T2004	Nguyễn Thị Bánh	19/05/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,6	6,0		Hổng	
5	T2005	Đinh Văn Băng	04/06/1990	Quảng Ngãi	Nam	K dong	5,0	5,5	Đạt		
6	T2006	Nguyễn Thị Ngọc Bích	09/08/1976	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,8	5,0		Hổng	
7	T2007	Đinh Văn Bua	16/09/1983	Quảng Ngãi	Nam	H're	6,6	5,0	Đạt		
8	T2008	Hồ Thị Sơn Ca	15/01/1985	Quảng Ngãi	Nữ	Co	7,0	6,0	Đạt		
9	T2009	Đỗ Thị Minh Cúc	20/06/1976	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,4	5,5		Hổng	
10	T2010	Phạm Thị Châm	15/11/2001	Quảng Ngãi	Nữ	H're	3,6	5,0		Hổng	
11	T2011	Phan Thị Quỳnh Châu	01/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	3,0		Hổng	
12	T2012	Võ Lê Kiều Chinh	09/10/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,6	7,0	Đạt		
13	T2013	Londouangdy Daovone	21/11/1999	Lào	Nữ	Lào	7,4	5,5	Đạt		
14	T2014	Đặng Thị Mỹ Diễm	10/12/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,4	6,0	Đạt		
15	T2015	Nguyễn Thị Dung	04/03/1970	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	6,0	Đạt		
16	T2016	Hồ Văn Duy	10/04/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
								Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hổng	
17	T2017	Trình Ngọc Kiều	Duyên	22/01/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,6	6,0	Đạt		
18	T2018	Hoàng Thị Thùy	Dương	20/04/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,2	8,0	Đạt		
19	T2019	Phạm Thị	Dương	31/08/1989	Quảng Ngãi	Nữ	H're	8,2	5,0	Đạt		
20	T2020	Huỳnh Thị Chiêu	Đan	14/11/1976	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	6,0	Đạt		
21	T2021	Lê Văn Gia	Đạt	18/08/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,6	7,0	Đạt		
22	T2022	Nguyễn Thành	Đạt	20/08/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh				Hổng	Vắng
23	T2023	Nguyễn Thị	Định	04/09/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	5,5	Đạt		
24	T2024	Phạm Thị	Đưa	10/10/1972	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,4	5,0	Đạt		
25	T2025	Bùi Nguyễn Khánh	Giang	14/12/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh				Hổng	Vắng
26	T2026	Huỳnh Thị Thu	Hà	12/05/1970	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,8	7,0	Đạt		
27	T2027	Lâm Thị	Hà	20/06/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	5,5	Đạt		
28	T2028	Phạm Thị	Hạnh	22/02/1980	Quảng Ngãi	Nữ	H're	6,2	5,5	Đạt		
29	T2029	Võ Thị Ngọc	Hạnh	10/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10,0	7,5	Đạt		
30	T2030	Lê Thị Kim	Hằng	21/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,2	9,5	Đạt		
31	T2031	Nguyễn Trung	Hậu	16/02/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,6	7,5	Đạt		
32	T2032	Đỗ Thị Thu	Hiền	02/02/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	5,0	Đạt		
33	T2033	Lê Văn	Hiền	01/01/1986	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,6	7,5	Đạt		
34	T2034	Lữ Thị Thu	Hiền	31/12/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt		
35	T2035	Lương Đặng Thái	Hiền	22/05/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	7,0	Đạt		
36	T2036	Mai Thị Kiều	Hoa	20/12/2003	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7,6	6,5	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hổng	
37	T2037	Trần Thị Hoa	04/01/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,4	5,5	Đạt		
38	T2038	Hồ Thị Hòa	09/10/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Co	5,8	9,0	Đạt		
39	T2039	Võ Đức Hòa	01/05/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,4	7,5	Đạt		
40	T2040	Đặng Thị Kim Hoàng	17/12/1985	Quảng Ngãi	Nữ	Co	5,2	8,5	Đạt		
41	T2041	Nguyễn Minh Hồng	05/08/1979	Hưng Yên	Nữ	Kinh	7,6	8,0	Đạt		
42	T2042	Nguyễn Thị Hồng	06/06/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt		
43	T2043	Trần Thị Hợp	08/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,8	7,5	Đạt		
44	T2044	Trần Minh Huệ	22/10/1988	Lào Cai	Nữ	Kinh	7,4	5,0	Đạt		
45	T2045	Hồ Thị Thanh Huyền	12/12/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Co	7,2	7,5	Đạt		
46	T2046	Nguyễn Thị Hương	18/11/1996	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8,2	6,5	Đạt		
47	T2047	Đinh Thị Kiều	20/12/1978	Quảng Ngãi	Nữ	H're	7,6	6,0	Đạt		
48	T2048	Hồ Thị Kiều	17/10/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Co	5,8	7,5	Đạt		
49	T2049	Nguyễn Thị Việt Kiều	11/05/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	7,0	Đạt		
50	T2050	Trương Thanh Kiều	23/05/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	6,0	Đạt		
51	T2051	Thiempachan Kou	29/08/2000	Lào	Nam	Kinh	9,0	6,0	Đạt		
52	T2052	Ngô Thị Hồng Kha	12/02/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,4	6,0	Đạt		
53	T2053	Nguyễn Thị Thục Khánh	14/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,8	9,0	Đạt		
54	T2054	Đinh Thị Lan	15/07/1991	Quảng Ngãi	Nữ	H're	8,4	7,0	Đạt		
55	T2055	Võ Thị Thúy Lan	20/11/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	7,0	Đạt		
56	T2056	Nguyễn Thị Lệ	10/06/1970	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,6	5,0	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
								Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hổng	
57	T2057	Nguyễn Thị Ái	Lê	20/10/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt		
58	T2058	Huỳnh Thị Phương	Loan	03/01/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,4	6,0	Đạt		
59	T2059	Phạm Thị Kim	Loan	18/12/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	7,0	Đạt		
60	T2060	Nguyễn Thị Vân	Ly	08/11/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	6,0	Đạt		
61	T2061	Đinh Thị Hương	Lý	02/04/1999	Quảng Ngãi	Nữ	H're	7,2	7,0	Đạt		
62	T2062	Bùi Trần Uyên	Mi	20/06/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	5,0	Đạt		
63	T2063	Obma	Mingkhuan	13/09/2001	Lào	Nữ	Lào	9,4	5,0	Đạt		
64	T2064	Phạm Thị	Minh	20/10/1977	Quảng Ngãi	Nữ	H're	7,2	4,0		Hổng	
65	T2065	Lê Thị Diễm	My	01/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,4	7,0	Đạt		
66	T2066	Hồ Thị	Na	05/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Co	7,0	6,0	Đạt		
67	T2067	Nguyễn Thị Vy	Na	17/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,8	1,0		Hổng	
68	T2068	Nguyễn Võ Xuân	Ni	09/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	6,0	Đạt		
69	T2069	Souvanhnou	Nokkeo	20/01/2001	Lào	Nữ	Lào	7,6	5,0	Đạt		
70	T2070	Hồ Huỳnh Hàn	Ny	01/06/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	7,0	Đạt		
71	T2071	Hồ Thị Thu	Nga	28/08/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Co	8,8	5,0	Đạt		
72	T2072	Huỳnh Nguyễn Hồng	Nga	07/04/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	8,0	Đạt		
73	T2073	Trần Hoàng Kim	Ngân	20/04/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,4	6,0	Đạt		
74	T2074	Trần Thị Thùy	Ngân	14/09/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10,0	8,0	Đạt		
75	T2075	La Thị Hồng	Ngọc	12/06/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	9,4	9,0	Đạt		
76	T2076	Nguyễn Thị Cẩm	Ngọc	16/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,8	5,5	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hổng	
77	T2077	Đinh Thị Oách	10/11/1978	Quảng Ngãi	Nữ	H're	6,8	6,5	Đạt		
78	T2078	Đinh Thị Kiều	27/02/1986	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	9,8	7,0	Đạt		
79	T2079	Phạm Thủy Kiều	14/12/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,4	6,5	Đạt		
80	T2080	Huỳnh Tấn Phát	02/11/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,8	5,0	Đạt		
81	T2081	Nguyễn Hòa Phương	20/01/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,2	5,5	Đạt		
82	T2082	Nguyễn Thị Loan	21/04/1972	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,8	7,5		Hổng	
83	T2083	Nguyễn Thị Phương	02/03/1970	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	8,0	Đạt		
84	T2084	Phạm Hồng Quy	05/07/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,4	7,0	Đạt		
85	T2085	Vương Thị Ngọc Quý	09/12/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,6	6,5	Đạt		
86	T2086	Mai Nguyễn Trúc Quỳnh	09/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	8,5	Đạt		
87	T2087	Xaiyasın Somsavai	07/09/1999	Lào	Nữ	Lào	6,6	7,0	Đạt		
88	T2088	Homniyom Soulinda	06/01/1999	Lào	Nam	Kinh	5,2	4,0		Hổng	
89	T2089	Trần Thị Thanh Tâm	12/03/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	2,8	8,0		Hổng	
90	T2090	Phạm Thị Lệ Tiên	26/10/2002	Quảng Ngãi	Nữ	H're	8,4	7,5	Đạt		
91	T2091	Phan Thị Kim Tuyến	08/05/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,8	10,0	Đạt		
92	T2092	Đinh Thị Kim Thanh	07/04/1982	Quảng Ngãi	Nữ	H're	3,6	7,5		Hổng	
93	T2093	Trần Quang Thanh	22/01/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,6	9,5	Đạt		
94	T2094	Phạm Phương Thảo	28/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,8	10,0	Đạt		
95	T2095	Dương Thị Kim Thoa	19/05/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,2	9,5	Đạt		
96	T2096	Nguyễn Thị Lệ Thu	02/01/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	8,5	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
								Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hổng	
97	T2097	Võ Hoài	Thu	10/07/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	6,0	Đạt		
98	T2098	Mai Thị Bích	Thuận	20/02/1972	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	9,0	Đạt		
99	T2099	Bùi Thị Thanh	Thùy	01/04/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt		
100	T2100	Dương Thị	Thùy	12/05/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt		
101	T2101	Phạm Thị	Thủy	19/11/2003	Quảng Ngãi	Nữ	H're	9,2	8,0	Đạt		
102	T2102	Phạm Thị Lệ	Thủy	14/04/1973	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	8,0	Đạt		
103	T2103	Nguyễn Thị Thu	Thúy	20/07/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,4	8,0	Đạt		
104	T2104	Đinh Thị	Thức	12/04/1989	Quảng Ngãi	Nữ	H're	4,6	7,5		Hổng	
105	T2105	Bùi Thị Ngọc	Trang	03/06/1984	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,4	7,5	Đạt		
106	T2106	Lê Thị	Trâm	14/12/1985	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,4	9,0	Đạt		
107	T2107	Đoàn Thị	Trinh	20/09/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	8,5	Đạt		
108	T2108	Nguyễn Thị	Trinh	04/04/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,8	9,0	Đạt		
109	T2109	Trần Thị	Trình	16/01/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt		
110	T2110	Võ Minh	Truyền	01/02/1984	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,4	7,0	Đạt		
111	T2111	Nguyễn Thị Hàn	Uyên	23/10/1981	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,8	7,0	Đạt		
112	T2112	Trần Thị Lệ	Uyên	06/09/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	8,5	Đạt		
113	T2113	Nguyễn Thị	Vân	19/05/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt		
114	T2114	Trần Thạch Thị Hải	Vân	20/10/1976	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	7,0	Đạt		
115	T2115	Nguyễn Thị	Vâng	02/06/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	8,5	Đạt		
116	T2116	Huỳnh Thị Cẩm	Viên	22/12/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	7,0	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
								Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hỏng	
117	T2117	Phạm Thị Thu	Viên	02/06/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,8	7,0		Hỏng	
118	T2118	Phạm Quang	Vũ	14/04/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,8	7,5	Đạt		
119	T2119	Cao Tường	Vy	16/05/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	5,0	Đạt		
120	T2120	Phan Thị Thanh	Xuân	21/10/1970	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	6,5	Đạt		
121	T2121	Mai Thị Bích	Phượng	10/03/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,4	7,0	Đạt		Thi lại 2 môn
122	T2122	Huỳnh Thị Bích	Thùy	10/10/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,0	7,0		Hỏng	Thi lại LT

Danh sách này có: 122 thí sinh, trong đó số dự thi: 120 thí sinh, số vắng thi: 02 thí sinh.